

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	2,040,041,578,357	1,293,963,961,733
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	242,862,177,311	77,643,507,863
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	351,427,700,000	4,962,389,882
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	730,157,412,547	513,367,537,731
4	Hàng tồn kho	563,602,230,308	623,439,939,592
5	Tài sản ngắn hạn khác	151,992,058,191	74,550,586,665
II	Tài sản dài hạn	297,423,087,732	303,772,787,521
1	Các khoản phải thu dài hạn	3,553,805,211	3,144,256,672
2	Tài sản cố định	245,832,913,801	293,470,110,158
-	Tài sản cố định hữu hình	55,616,950,330	98,180,551,938
-	Tài sản cố định thuê tài chính		
-	Tài sản cố định vô hình	102,591,397,083	102,744,132,501
-	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	87,624,566,388	92,545,425,719
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	45,456,000,000	4,584,637,588
5	Tài sản dài hạn khác	2,580,368,720	2,573,783,103
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,337,464,666,089	1,597,736,749,254
IV	Nợ phải trả	1,676,326,277,951	1,016,816,227,765
1	Nợ ngắn hạn	1,637,101,456,504	1,006,311,561,908
2	Nợ dài hạn	39,224,821,447	10,504,665,857
V	Vốn chủ sở hữu	661,138,388,138	580,920,521,489
1	Vốn chủ sở hữu	655,723,810,268	569,550,775,380
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	490,640,000,000	490,640,000,000
-	Thặng dư vốn cổ phần	1,272,398,051	54,564,720
-	Vốn khác của chủ sở hữu	6,910,633,105	6,910,633,105
-	Cổ phiếu ngân quỹ		(23,623,467,366)
-	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		

-	Quỹ đầu tư phát triển	13,821,266,211	13,821,266,211
-	Quỹ dự phòng tài chính		
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
-	Lợi nhuận chưa phân phối	143,079,512,901	81,747,778,710
-	Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	5,414,577,870	11,369,746,109
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,414,577,870	11,369,746,109
-	Nguồn kinh phí		
-	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,337,464,666,089	1,597,736,749,254

0

0

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 3	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,774,499,963,165	5,615,837,500,063
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	65,979,293,464	139,774,134,962
3	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	1,708,520,669,701	5,476,063,365,101
4	Giá vốn hàng bán	1,599,027,745,969	5,067,687,550,804
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	109,492,923,733	408,375,814,297
6	Doanh thu hoạt động tài chính	15,200,040,886	44,332,765,204
7	Chi phí tài chính	23,368,741,211	75,837,823,821
8	Chi phí bán hàng	23,373,115,497	167,312,137,422
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,911,381,622	89,908,630,042
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39,039,726,289	119,649,988,216
11	Thu nhập khác	7,563,926,326	11,444,761,417
12	Chi phí khác	141,737,061	150,847,790
13	Lợi nhuận khác	7,422,189,265	11,293,913,627
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46,461,915,554	130,943,901,843
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10,938,078,758	21,354,790,251
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35,523,836,796	109,589,111,592
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	724	2,234

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC